

Số: /TTr-UBND

Dân Lực, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

**V/v phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Dân Lực,
huyện Triệu Sơn đến năm 2030**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn
Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Triệu Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 5915/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch xây dựng chung xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn đến năm 2030;

Sau khi tổ chức nghiên cứu, thực hiện, UBND xã Dân Lực kính trình UBND huyện Triệu Sơn xem xét, phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Vị trí, phạm vi, ranh giới

- Xã Dân Lực cách trung tâm huyện Triệu Sơn 3 km về phía Bắc và cách thành phố Thanh Hóa 20 km về phía Tây.

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính xã Dân Lực, ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Thọ Phú và xã Thiệu Hòa của huyện Thiệu Hóa;
- Phía Đông giáp xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn;
- Phía Nam giáp thị trấn Triệu Sơn và xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn;

- Phía Tây giáp xã Thọ Thế và xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn.

1.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch

Quy mô diện tích lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Dân Lực có tổng diện tích là 828,16 ha.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

2.1. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, tuân thủ định hướng phát triển theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Triệu Sơn;

- Quy hoạch phải mang tính kế thừa và phát huy nội dung đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt. Rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch ngành trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu các ngành cấp huyện, cấp vùng và cấp tỉnh. Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng công trình công cộng và các quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng.

- Căn cứ bối cảnh phát triển kinh tế, xã hội của huyện, tỉnh từ đó xác định vai trò, vị thế của địa phương trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Xác định tính chất, chức năng, các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, định hình quy mô và định hướng phát triển của địa phương phù hợp theo định hướng của vùng, tỉnh theo các giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030.

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã, làm cơ sở để hướng dẫn quản lý trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư 3 và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển nông, thủy sản, công nghiệp xây dựng, dịch vụ thương mại... và hệ thống các công trình chuyên ngành.

- Gắn kết chặt chẽ với chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, dự án khác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2.2. Tính chất, chức năng và kinh tế chủ đạo của xã:

- Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng là một đơn vị hành chính cấp xã hoàn chỉnh với đầy đủ các hoạt động chức năng nhà nước quy định hướng tới đạt và vượt các tiêu chí của xã nông thôn mới nâng cao.

- Căn cứ vào thực trạng, tiềm năng của địa phương cũng như các định hướng chuyên ngành cấp tỉnh, xác định trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 nền kinh tế chủ đạo của địa phương là vùng phát triển sản xuất tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao; phát triển Công nghiệp (CCN Dân Lý-Dân Lực-Dân Quyền), vật liệu xây dựng (mở sét), tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ (phục vụ nông nghiệp)

3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.1. Quy mô dân số, lao động

a) Quy mô dân số

- Dân số hiện trạng là 8.118 người;

- Dân số dự báo:

+ Đến năm 2025 là 8.800 người;

+ Đến năm 2030 là 9.600 người.

b) Quy mô lao động

Dự báo lao động đến năm 2025 là 5.280 người; đến năm 2030 là 5.760 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

a) Về sử dụng đất

- Điểm dân cư nông thôn:

+ Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$;

+ Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;

+ Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;

+ Cây xanh công cộng: $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$;

- Trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000\text{m}^2$;

- Đất xây dựng trường mầm non, quy mô 50 chỗ/1000 dân: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$;

- Đất xây dựng trường tiểu học, quy mô 65 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$;

- Đất xây dựng trường trung học, quy mô 55 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$;

- Trạm y tế xã: $\geq 500\text{m}^2/\text{trạm}$ (Có vườn cây thuốc Nam): $\geq 1000\text{m}^2/\text{trạm}$);

- Đất xây dựng nhà văn hóa xã: $\geq 1.000\text{m}^2$;

- Đất xây dựng nhà văn hóa thôn: $\geq 200\text{m}^2$;

- Cụm công trình, sân bãi thể thao: $\geq 5.000\text{m}^2$;

- Đất xây dựng sân thể thao thôn: $\geq 300\text{m}^2$;

- Đất xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông: $\geq 150\text{m}^2$;

- Đất xây dựng chợ: $\geq 1.500\text{m}^2/\text{chợ/xã}$;

- Cửa hàng dịch vụ trung tâm: $300\text{m}^2/\text{công trình/khu trung tâm}$.

b) Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường $\geq 0,8$ kg;

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: ≥ 60 lít/người/ ngày đêm;

+ Chỉ tiêu cấp nước đến vị trí lấy nước công cộng: ≥ 40 lít/người/ ngày đêm;

+ Nước cấp cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp: $\geq 8\%$ lượng nước cấp cho sinh hoạt;

+ Cấp nước cho khu công nghiệp tập trung: $\geq 20\text{m}^3/\text{ha/ngày đêm}$;

- Chỉ tiêu thoát nước bản $\geq 80\%$ lượng nước cấp;

- Cấp điện:

+ Chỉ tiêu cấp điện $\geq 150\text{W}/\text{người/ngày đêm}$;

+ Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng $> 15\%$ điện sinh hoạt;

+ Chiếu sáng công cộng: Tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$.

c) Các nội dung khác

Theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT - BXD ngày 19/5/2021 về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và QCVN 4454:2012

về quy hoạch nông thôn - tiêu chuẩn thiết kế.

4. Phân khu chức năng

4.1. Khu trung tâm xã

Khu trung tâm xã Dân Lực nằm tại thôn Thị Tứ dọc theo QL47 và QL47C. Hiện nay, khu trung tâm xã đã hình thành và xây dựng tương đối đầy đủ các khu chức năng như: Trụ sở Đảng ủy – HĐND – UBND xã, trung tâm văn hóa, thể thao xã, trụ sở công an, ban chỉ huy quân sự, trạm y tế, đài tưởng niệm liệt sỹ, bưu điện, trường học...

4.2. Tổ chức không gian các khu dân cư

Chọn đất phát triển mạng lưới dân cư nông thôn mới tại xã Dân Lực chủ yếu dựa trên mạng lưới hiện trạng dân cư hiện hữu của xã và dựa trên các định hướng quy hoạch sử dụng đất của huyện Triệu Sơn, định hướng quy hoạch quy hoạch vùng huyện Triệu Sơn, dựa trên nhu cầu phát triển sản xuất và điều chỉnh cơ cấu kinh tế của xã trong giai đoạn phát triển từ nay đến năm 2030.

4.3. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng

Các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã hiện nay cơ bản đã đáp ứng được những quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng. Định hướng cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Vị trí	Định hướng quy hoạch	DT Hiện trạng (m ²)	DT quy hoạch (m ²)	Tăng (+) Giảm (-)	Định hướng kiến trúc
1	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND	Thôn Thị Tứ	Mở rộng	2.608,5	2.808,5	200,0	Kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã; + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40%
2	Trụ sở Công An xã	Thôn Thị Tứ	Quy hoạch mới	-	1.200,0	1.200,0	Kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã; + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40%
3	Ban chỉ huy quân sự xã	Thôn Thị Tứ	Quy hoạch mới	-	1.100,0	1.100,0	Kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã; + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40%
4	Trường mầm non	Thôn Thị Tứ	Quy hoạch mới	3.023,0	9.763,0	6.740,0	Kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã; + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40%
5	Trường tiểu học	Thôn Xuân Tiên	Giữ nguyên hiện trạng	8.932,0	8.932,0	-	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với quy mô trường chuẩn quốc gia + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40%
6	Trường THCS	Thôn Xuân Tiên	Giữ nguyên hiện trạng	7.330,3	7.330,3	-	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với quy mô trường chuẩn quốc gia + Chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40%
7	Trạm y tế	Thôn	Giữ	9.655,0	9.655,0	-	Chỉnh trang kiến trúc phù

		Thị Tứ	nguyên hiện trạng				hợp với quy mô trường chuẩn quốc gia + Chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$
8	Bưu điện	Thôn Thị Tứ	Giữ nguyên hiện trạng	300,0	300,0	-	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với quy mô trường chuẩn quốc gia + chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$
9	Chợ trung tâm	Thôn Thị Tứ	Mở rộng	3.744,1	13.100,0	9.355,9	Kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã; + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$
10	Nhà văn hóa						
10.1	Nhà văn hóa xã	Thôn Thị Tứ	Giữ nguyên hiện trạng	2.591,5	2.591,5	-	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
10.2	Sân thể thao xã	Thôn Thị Tứ	Giữ nguyên hiện trạng	4.950,6	4.950,6	-	
10.3	NVH thôn Ân Mộc	Thôn Ân Mộc	Giữ nguyên hiện trạng	311,8	311,8	-	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
10.4	STT thôn Ân Mộc	Thôn Ân Mộc	Quy hoạch mới	-	529,2	529,2	
10.5	NVH Tiên Mộc	Thôn Tiên Mộc	Giữ nguyên hiện trạng	138,5	138,5	-	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
10.6	NVH thôn Tiên Mộc	Thôn Thị Tứ	Quy hoạch mới	-	500,0	500,0	Kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã; + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$
10.7	STT thôn Tiên Mộc	Thôn Thị Tứ	Quy hoạch mới	-	2.797,7	2.797,7	
10.8	NVH thôn Đô Xá	Thôn Đô Xá	Giữ nguyên hiện trạng	194,3	194,3	-	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
10.9	STT thôn Đô Xá	Thôn Đô Xá	Quy hoạch mới	-	1.571,9	1.571,9	
10.10	NVH thôn Xuân Tiên	Thôn Xuân Tiên	Quy hoạch mới	134,0	1.550,0	1.416,0	Kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã; + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$
10.11	STT thôn Xuân Tiên	Thôn Xuân Tiên	Quy hoạch mới	-	3.684,4	3.684,4	
10.12	NVH thôn Đô Trang	Thôn Đô Trang	Quy hoạch mới	171,0	1.132,6	961,6	Kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã; + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$
10.13	NVH thôn Thiện Chính	Thôn Thiện Chính	Giữ nguyên hiện trạng	1.026,5	1.026,5	-	Kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh

10.14	STT thôn Thiện Chính	Thôn Thiện Chính	Quy hoạch mới	-	8.863,3	8.863,3	
10.15	NVH thôn Phúc Hải	Thôn Phức Hải	Giữ nguyên hiện trạng	313,4	796,3	482,9	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
10.16	STT thôn Phúc Hải	Thôn Phúc Hải	Quy hoạch mới	-	626,2	626,2	
11	Đài tưởng niệm liệt sỹ	Thôn Thị Tứ	Giữ nguyên hiện trạng	1.700,0	1.700,0	-	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh

- Cây xanh: Định hướng quy hoạch cây xanh tại đồng Đô Thù với diện tích 1,74 ha; Đồng Ngổ Trung 0,17 ha; Đồng Bia 6,76 ha.

- Đất xây dựng công trình công cộng (Theo đồ án Điều chỉnh cục bộ quy hoạch thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa): Định hướng quy hoạch tại Đồng Bia với diện tích 1,11 ha.

- Đất dự trữ phát triển: Đến năm 2030, định hướng quy hoạch 09 đất dự trữ với tổng diện tích 36,48 ha.

4.4. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch khu dân cư mới và cũ

Năm 2021, bình quân đất ở hiện trạng đạt 132m²/người. Theo dự báo quy mô dân số, đến năm 2030 dân số xã tăng 1.482 người so với hiện trạng.

Như vậy, nhu cầu đất ở cho 1.482 người (dân số tăng giai đoạn 2021-2030) là khoảng 19,5 ha. Kỳ quy hoạch này xã xác định quy hoạch đất ở mới khoảng 19,6 ha. Cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tầng cao	Hệ số SĐĐ	Vị trí
1	Dân cư mới	DCM-1	957,1	80	1-5	4.0	Thôn Phúc Hải
2	Dân cư mới	DCM-2	2.014,6	80	1-5	4.0	Thôn Đô Xá
3	Dân cư mới	DCM-3	8.311,8	80	1-5	4.0	Thôn Đô Xá
4	Dân cư mới	DCM-4	38.291,1	80	1-5	4.0	Thôn Thiện Chính
5	Dân cư mới	DCM-5	51.731,4	80	1-5	4.0	Thôn Thiện Chính
6	Dân cư mới	DCM-6	7.439,7	80	1-5	4.0	Thôn Đô Trang
7	Dân cư mới	DCM-7	4.828,9	80	1-5	4.0	Thôn Đô Trang
8	Dân cư mới	DCM-8	2.340,2	80	1-5	4.0	Thôn Đô Trang
9	Dân cư mới	DCM-9	7.897,2	80	1-5	4.0	Thôn Đô Trang
10	Dân cư mới	DCM-10	7.093,4	80	1-5	4.0	Thôn Xuân Tiên
11	Dân cư mới	DCM-11	3.545,9	80	1-5	4.0	Thôn Xuân Tiên
12	Dân cư mới	DCM-12	13.851,0	80	1-5	4.0	Thôn Thị Tứ
13	Dân cư mới	DCM-13	1.821,5	80	1-5	4.0	Thôn Thị Tứ
14	Dân cư mới	DCM-14	5.557,2	80	1-5	4.0	Thôn Thị Tứ
15	Dân cư mới	DCM-15	21.834,8	80	1-5	4.0	Thôn Thị Tứ
16	Dân cư mới	DCM-16	9.554,8	80	1-5	4.0	Thôn Ân Mộc
17	Dân cư mới	DCM-17	8.897,3	80	1-5	4.0	Thôn Ân Mộc

4.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp

a) Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất nông nghiệp

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Phát triển chăn nuôi toàn diện trên địa bàn xã theo hướng sản xuất hàng hoá, sản xuất thực phẩm an toàn, thực phẩm sạch. Phát triển mô hình VAC, các trang trại, gia trại lớn.

Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Triệu Sơn, đã định hướng tại xã Dân Lực phát triển nông lâm nghiệp kết hợp. Tập trung thâm canh, tăng năng suất cây lúa, ngô, lạc, khoai,..., cây lâm nghiệp. Tuy nhiên do nhu cầu phát triển kinh tế (mở rộng đường giao thông, mở rộng đất ở...) nên diện tích đất nông nghiệp đến năm 2030 giảm cụ thể: Diện tích đất trồng lúa giảm còn 290,18 ha, đất trồng trọt khác giảm còn 65,69 ha, đất nông nghiệp khác tăng còn 1,94 ha.

b) Quy hoạch sản xuất Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là ngành được quan tâm chú trọng trong những năm tới, chủ yếu là tận dụng nguồn nhân lực hiện có tại địa phương. Xây dựng cơ chế, thành lập doanh nghiệp phát triển tiểu công nghiệp.

Khoanh vùng quy hoạch Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tại khu vực đồng Cự Chan, đồng Bò, đồng Thôn, đồng Do Nha. Cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Vị trí
1	Đất công nghiệp	CN-2	7,44	Đồng Cự Chan - Thôn Thiện Chính
2	Đất công nghiệp	CN-4	3,57	Đồng Bò - Thôn Ân Mộc
3	Đất công nghiệp	CN-5	14,08	Đồng Do Nha - Thôn Ân Mộc
4	Đất công nghiệp	CN-6	8,36	Đồng Thôn - Thôn Ân Mộc
	Tổng		33,46	

c) Quy hoạch phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch

- Khuyến khích, hỗ trợ hoạt động thương mại, dịch vụ theo mô hình hợp tác xã, doanh nghiệp; Xây dựng và phát triển thương hiệu cho các mặt hàng nông sản chủ lực, đặc trưng của xã; Phát triển các loại hình dịch vụ thương mại cung cấp các dịch vụ (ăn uống, nhà nghỉ, ...) phục vụ giao thông trên tuyến QL47 và QL47C.

- Định hướng đến năm 2030, trên địa bàn xã quy hoạch 9 khu phát triển thương mại – dịch vụ với tổng diện tích 17,89 ha. Cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Vị trí
1	Đất thương mại - dịch vụ	TMDV-1	1.407,2	Thôn Đô Trang
2	Đất thương mại - dịch vụ	TMDV-2	12.216,4	Thôn Đô Trang
3	Đất thương mại - dịch vụ	TMDV-3	2.247,4	Thôn Đô Trang
4	Đất thương mại - dịch vụ	TMDV-4	62.869,4	Thôn Đô Trang
5	Đất thương mại - dịch vụ	TMDV-5	7.490,4	Thôn Thiện Chính
6	Đất thương mại - dịch vụ	TMDV-6	27.733,3	Thôn Thiện Chính

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Vị trí
7	Đất thương mại - dịch vụ	TMDV-7	7.772,4	Thôn Thị Tứ
8	Đất thương mại - dịch vụ	TMDV-8	34.751,3	Thôn Ân Mộc
9	Đất thương mại - dịch vụ	TMDV-9	22.363,2	Thôn Ân Mộc

5. Quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật

5.1. Quy hoạch hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông xã được chia thành hệ thống giao thông đối ngoại và hệ thống giao thông đối nội, cụ thể:

* Giao thông đối ngoại:

- Đường QL47 (Mặt cắt 1-1): Đường QL47 được quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Mặt cắt ngang đường $B=77,0\text{m}$; Mặt đường chính: $11,0\text{m} \times 2 = 22,0\text{m}$; Hành lang an toàn đường bộ: $13,0\text{m} \times 2 = 26,0\text{m}$; Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có bề rộng: $2,0\text{m} \times 2 = 4,0\text{m}$; Mặt đường gom: $7,5\text{m} \times 2 = 15,0\text{m}$; Hệ đường gom: $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$; Khoảng lùi XD tối thiểu mỗi bên: $3,0\text{m}$.

- Tuyến đường động lực (Đường từ xã Thọ Xuân qua xã Dân Lực đi Nghi Sơn Sao Vàng) (Cập nhật theo QH điều chỉnh, mở rộng TT Triệu Sơn):

+ Mặt cắt 2-2: (Từ QL47 đi Nghi Sơn Sao Vàng): Mặt cắt ngang: $35,0\text{m}$; Lòng đường: $(11,0\text{m} \times 2) + 3,0 = 25\text{m}$ (bao gồm phân cách giữa: $3,0\text{m}$); Hệ đường: $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$; Khoảng lùi xây dựng tối thiểu mỗi bên, đối với khu vực chưa xây dựng công trình hai bên là: $3,0\text{m}$.

+ Mặt cắt 2'-2': (Từ QL47 đi xã Thọ Xuân): Mặt cắt ngang: $29,0\text{m}$; Lòng đường: $9,0$; Hệ đường: $10,0\text{m} \times 2 = 20,0\text{m}$;

- Đường Quốc lộ 47C

+ Mặt cắt 3-3 (Đoạn đi qua khu vực xây dựng mới): Mặt cắt ngang: $26,0\text{m}$; Lòng đường: $(8,0\text{m} \times 2) + 0,5 = 16,5\text{m}$ (bao gồm phân cách giữa: $0,5\text{m}$); Hệ đường: $4,75\text{m} \times 2 = 9,5\text{m}$; Khoảng lùi xây dựng tối thiểu mỗi bên, đối với khu vực chưa xây dựng công trình hai bên là: $3,0\text{m}$.

+ Mặt cắt 3'-3' (Đoạn đi qua khu dân cư hiện trạng): Mặt cắt ngang: $26,0\text{m}$; Lòng đường: $(8,0\text{m} \times 2) + 0,5 = 16,5\text{m}$ (bao gồm phân cách giữa: $0,5\text{m}$); Hệ đường: $4,75\text{m} \times 2 = 9,5\text{m}$;

- Kênh Nam: Mặt cắt 4-4 (Qua xã Dân Lực dài khoảng $2,2\text{km}$): Mặt Cắt Ngang: $50,5\text{m}$; Lòng kênh: $19,5\text{m}$; Dải phân cách: $3,0\text{m} \times 2 = 6,0\text{m}$; Lòng đường: $7,5\text{m} \times 2 = 15,0\text{m}$; Hệ đường: $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$; Khoảng lùi xây dựng tối thiểu mỗi bên, đối với khu vực chưa xây dựng công trình hai bên là: $3,0\text{m}$.

* Giao thông đối nội:

- Đường cấp đô thị (Cập nhật theo QH điều chỉnh, mở rộng TT Triệu Sơn): Mặt cắt 5-5 (Đoạn đi qua khu vực xây dựng mới): Mặt cắt ngang: $20,5\text{m}$; Lòng đường: $10,5\text{m}$; Hệ đường: $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$; Khoảng lùi xây dựng tối thiểu mỗi bên, đối với khu vực chưa xây dựng công trình hai bên là: $3,0\text{m}$.

- Đường cấp đô thị (Cập nhật theo QH điều chỉnh, mở rộng TT Triệu Sơn): Mặt cắt 5'-5' (Đoạn đi qua khu dân cư hiện trạng): Mặt cắt ngang: $20,5\text{m}$; Lòng đường: $10,5\text{m}$; Hệ đường: $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$;

- Đường khu vực (Cập nhật theo QH điều chỉnh, mở rộng TT Triệu Sơn): Mặt cắt 6-6 (Đoạn đi qua khu vực xây dựng mới): Mặt cắt ngang: 17,5m; Lòng đường: 7,5m; Hè đường: $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$; Khoảng lùi xây dựng tối thiểu mỗi bên, đối với khu vực chưa xây dựng công trình hai bên là: 3,0 m.

- Đường khu vực (Cập nhật theo QH điều chỉnh, mở rộng TT Triệu Sơn): Mặt cắt 6'-6' (Đoạn đi qua khu dân cư hiện trạng): Mặt cắt ngang: 17,5m; Lòng đường: 7,5m; Hè đường: $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$;

- Nâng cấp, cải tạo các tuyến giao thông trục xã, đường nội thôn, nội đồng:

+ Mặt cắt 7-7 (Đường xã): Mặt cắt ngang: 6,5 m; Lòng đường: 3,5m; Hè đường: $1,5\text{m} \times 2 = 3,0\text{m}$.

+ Mặt cắt 8-8 (Đường thôn, ngõ xóm): Mặt cắt ngang: 6,0m; Lòng đường: 4,0m; Hè đường: $1,0\text{m} \times 2 = 3,0\text{m}$.

+ Mặt cắt 9-9 (Đường nội đồng): Mặt cắt ngang: 4,5m; Lòng đường: 3,0m; Hè đường: $0,75\text{m} \times 2 = 1,5\text{m}$.

5.2. Quy hoạch cấp điện

- Nguồn điện: Nguồn cung cấp điện từ 8 trạm biến áp. Tổng công suất 2260 KVA; Toàn xã có 40,5 km đường dây hạ thế; 8,0 km đường dây trung thế.

- Trạm biến áp phân phối: Các trạm biến áp hiện có được giữ nguyên vị trí, được tính toán và nâng công suất để đáp ứng nhu cầu thực tế.

- Chiếu sáng: Xây dựng mới đường dây chiếu sáng trên các trục đường chính của xã nguồn điện lấy từ các trạm biến áp, đồng thời kéo dài hệ thống đường dây cho khu dân cư mới.

- Dự báo đến năm 2030 nhu cầu sử dụng điện của xã Dân Lực là 811,12kVA

5.3. Quy hoạch cấp nước

- Giải pháp cấp nước:

+ Giai đoạn đầu: Cải tạo các giếng nước và bể nước hiện có lấy từ nguồn nước mạch nông, mạch sâu, nước mưa làm nguồn cung cấp nước cho điểm dân cư nông thôn và dùng bể lọc nước được xử lý hoàn chỉnh.

+ Lâu dài: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt bao gồm trạm xử lý và hệ thống nước sạch cung cấp trên địa bàn toàn xã nhằm thay thế dần các giếng nước của nhân dân.

- Hình thức cấp nước:

+ Đối với các hộ dân phân bố không tập trung: Cấp nước theo hình thức phân tán, sử dụng các giếng khoan.

+ Đối với các cụm dân cư tập trung: Cấp nước theo hình thức tập trung, lắp đặt đường ống theo các tuyến giao thông và tới từng hộ dân.

- Dự báo nhu cầu sử dụng nước của xã Dân Lực năm 2030 là $2.210,5\text{m}^3/\text{ngđ}$.

5.4. Quy hoạch thoát nước mưa

Tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo khu vực nghiên cứu quy hoạch không bị ngập úng, sạt lở. Kết hợp hài hòa cao độ nền khu dân cư hiện trạng và cao độ nền của khu đất quy hoạch xây dựng mới. Hệ thống thoát nước chạy dọc

theo các tuyến giao thông trong khu vực lập quy hoạch và đổ ra kênh, mương sông suối.

Đến năm 2030 sẽ xây dựng mạng lưới đường ống thoát nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt: Tiết diện cống chính: D1000 ; Tiết diện cống phục: D600.

5.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước thải

Đối với nước thải sinh hoạt của các khu dân cư thôn (xóm) đã xử lý thô cho phép được tự ngấm, hoặc chảy tràn ra hệ thống kênh, mương sông suối qua hệ thống cống, mương có tấm đan hoặc mương hở để thoát nước chung.

Đối với nước thải chăn nuôi, và cơ sở sản xuất chế biến bắt buộc xây dựng hệ thống chứa nước thải để xử lý trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

- Nghĩa trang, nghĩa địa

Các nghĩa trang hiện trạng của các thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân. Về lâu dài các nghĩa trang nhỏ lẻ trong xã sẽ đóng cửa, đồng thời chỉnh trang, có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường.

Trong giai đoạn tới định hướng quy hoạch nghĩa trang tại đồng Lãng thôn Phúc Hải diện tích 2,7 ha làm nghĩa trang tập trung của xã, còn lại các khu nghĩa trang, nghĩa địa khác định hướng là khu cải táng bố trí quy hoạch cây xanh bao bọc với chiều rộng > 10m.

- Thu gom và xử lý chất thải rắn

Hiện nay xã chưa có khu tập kết cũng như xử lý rác thải, việc xử lý gom rác cũng là vấn đề khó khăn. Để đảm bảo nhu cầu tập kết rác của địa phương, giảm ảnh hưởng môi trường xã định hướng quy hoạch điểm tập kết rác thải quy mô khoảng 0,5 ha.

6. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Giai đoạn 2020 – 2025:

Đầu tư các công trình mang tính tạo lực phát triển bao gồm:

- + Nhà ở, trường học: Xây dựng một phần các khu ở tái định cư và khu ở mới.
- + Công trình dịch vụ thương mại như: khu vực chợ dân sinh,....
- + Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật: chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường;
- + Mở rộng nhà văn hóa các thôn Đô Xá, Thiện Chính;
- + Xây dựng các công trình thể dục thể thao (sân thể thao thôn Thiện Chính, thôn Xuân Tiên và thôn Tiên Mộc);
- + Xây mới nhà văn hóa thôn Đô Trang, Tiên Mộc
- + Xây dựng trụ sở Công an - Ban Chỉ huy Quân sự xã;
- + **Xây mới trường mầm non;**
- + Các cụm thương mại dịch vụ;
- + Xây dựng các khu công nghiệp.

- Giai đoạn 2025 – 2030:

Đầu tư các khu ở còn lại, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật đô thị, xây dựng các

công trình hạ tầng xã hội.

- + Hoàn thiện các khu ở còn lại;
- + Hoàn thiện hệ thống hạ tầng từng thôn, cứng hóa toàn bộ giao thông, kiên cố các công trình thủy lợi.
- + Các cụm thương mại dịch vụ;
- + Xây dựng các khu công nghiệp.

UBND xã Dân Lực kính trình phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Triệu Sơn xem xét thẩm định và trình UBND huyện phê duyệt./.

Nơi nhận :

- Như kính gửi;
- TT Đảng ủy, HĐND xã Dân Lực (b/c);
- UBND xã Dân Lực;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Quang